

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TB  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/DS-ST  
Ngày: 21 – 5 – 2024  
V/v tranh chấp  
hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH ĐỒNG THÁP

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Xuân Nữ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Võ T Thủy;
- Bà Nguyễn T Diệu Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm T Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn G E, sinh năm 1980 – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G.

Địa chỉ: Số 37, ấp T, xã AP, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:*

2.1. Phan Ngọc Q, sinh năm 1973.

2.2. Dương Kiêm C, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã AP, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G trình bày:**

Trước đây, vợ chồng ông Phan Ngọc Q và bà Dương Kiêm C có đến cửa hàng phân bón, thuốc trừ sâu C ông Nguyễn G E - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G mua phân bón, thuốc trừ sâu và còn nợ lại tiền tính đến ngày 04/6/2022 là 62.515.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2023 ông Nguyễn G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G yêu cầu ông Phan Ngọc Q, bà Dương Kiêm C liên đới trả số tiền mua bán tài sản còn nợ là 76.268.300 đồng, trong đó tiền gốc là 62.515.000 đồng, tiền lãi với lãi suất 2%/tháng từ ngày 04/6/2022 đến ngày 16/5/2023 là 13.753.300 đồng; yêu cầu tiếp tục trả lãi với lãi suất 2%/tháng số tiền 76.268.300 đồng từ ngày 16/5/2023 đến khi ông Q, bà C hoàn thành việc trả nợ.

Tại phiên hòa giải ngày 28/12/2023, ông Nguyễn G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G yêu cầu ông Q, bà C trả số tiền còn nợ 26.140.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc ngày 24/4/2018 còn lại là 2.660.000 đồng (tính cho biên nhận ngày 24/4/2018) và tiền nợ gốc ngày 16/5/2023 còn lại là 23.480.000 đồng (tính cho hóa đơn bán hàng ngày 04/6/2022, hóa đơn bán hàng ngày 15/7/2022) và tiền lãi 39.296.000 đồng, tổng cộng 65.436.000 đồng. Đối với hóa đơn bán hàng ngày 16/5/2023 số tiền 32.986.000 đồng và hóa đơn bán hàng ngày 28/02/2020 số tiền 32.857.000 đồng, ông Q, bà C đã thanh toán xong nên ông G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G không yêu cầu.

Tại phiên hòa giải ngày 25/3/2024 và tại phiên tòa, ông G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G trình bày, sau khi làm biên nhận ngày 24/4/2018, vào năm 2019 ông Q, bà C có trả cho ông G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G tiền nợ mua phân bón, thuộc trừ sâu là 5.000.000 (Năm triệu) đồng, không nhớ cụ thể trả vào ngày nào, ông G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G chưa trừ vào tiền nợ nào C ông Q, bà C đối với ông G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G.

Tại phiên tòa, ông G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G yêu cầu ông Q, bà C trả tiền nợ gốc còn lại tại biên nhận ngày 24/4/2018 là 2.660.000 đồng và tiền lãi C tiền nợ 22.660.000 đồng ngày 24/4/2018 tại từng thời điểm trả nợ đối với số tiền 20.000.000 đồng ngày 15/7/2023, đồng ý trừ 5.000.000 đồng ông Q, bà C đã trả vào tiền lãi. Tiền lãi được tính như sau:

Tiền 20.000.000 đồng từ ngày 24/4/2018 đến ngày 15/7/2023 (62 tháng), lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền 20.584.000 đồng. Tiền 2.660.000 đồng từ ngày 24/4/2018 đến ngày 21/02/2024 (69 tháng), lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền 3.046.000 đồng. Tổng cộng 23.630.000 đồng (lấy số tròn). Trừ 5.000.000 đồng vào tiền lãi. Số tiền còn lại 18.630.000 đồng.

Tổng cộng là 21.290.000 đồng, trong đó tiền vốn là 2.660.000 đồng, tiền lãi là 18.630.000 đồng.

Ông G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền nợ gốc 59.855.000 đồng, tiền lãi C số tiền 2.660.000 đồng với lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 21/02/2024 đến khi giải quyết xong.

*- Quá trình tố tụng, bị đơn Phan Ngọc Q và Dương Kiêm C trình bày:*

Đến khoảng tháng 4/2023, ông bà còn nợ ông G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G tiền mua bán vật T là 7.089.000 đồng. Mỗi mùa vụ, ông G E hứa thưởng % số tiền 400.000 đồng, ông bà mua được mỗi năm 02 mùa, tất cả mua được 10 mùa từ năm 2018 đến năm 2022 nhưng chưa được thưởng tổng cộng là 4.000.000 đồng, cán trừ tiền nợ 7.089.000 đồng còn 3.089.000 đồng. Tại hóa đơn bán hàng ngày 26/5/2023, ông G tính tiền nợ 67.230.776 đồng là không đúng mà chỉ có 64.000.000

đồng, tuy nhiên ông bà đã thanh toán 67.230.776 đồng thì ông G còn nợ ông bà 3.000.000 đồng, căn trừ vào nợ 3.089.000 đồng còn 89.000 đồng. Vì vậy, ông bà chỉ đồng ý trả số tiền là 89.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 25/3/2024 và tại phiên tòa, ông Q, bà C trình bày, ngày 24/4/2018, ông bà có nợ tiền vật T nông nghiệp C ông G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G là 22.660.000 đồng. Khoản nợ này xuất phát từ tiền nợ ông bà mua phân bón, thuốc trừ sâu tại Cửa hàng C ông Huỳnh Văn Bi là 20.000.000 đồng, sau đó ông G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G có cho ông Q mượn 20.000.000 đồng để trả cho ông Bi, và số tiền ông bà mua phân bón, thuốc trừ sâu tại Cửa hàng C ông G E là 2.660.000 đồng, có làm biên nhận nợ ngày 24/4/2018, không thỏa thuận lãi suất, không xác định thời hạn trả vì ông G E cho ông bà trả gộp đầu mỗi mùa vụ (mỗi năm 02 mùa Đông – Xuân và Hè – Thu), trong biên nhận nợ không ghi lãi suất 2%/tháng như biên nhận ông G E xuất trình và ông bà cung cấp bản ảnh biên nhận nợ ông G E gửi cho ông bà thể hiện không có lãi suất. Vào ngày 16/5/2023, ông bà có gửi trả 20.000.000 đồng nên còn nợ 2.660.000 đồng; mặt khác vào năm 2019 (không nhớ ngày tháng), ông bà có gửi trả 5.000.000 đồng nhưng ông G E chưa trừ nợ cho ông bà, nay ông bà đồng ý căn trừ 5.000.000 đồng này vào tiền nợ với ông G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G, tổng cộng ông bà đã trả 25.000.000 đồng là vượt quá tiền nợ.

Nay ông Q, bà C không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện C ông G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G số tiền 2.660.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì hai bên đã thỏa thuận trả nợ gộp đầu theo mùa vụ, không thỏa thuận trả lãi, thời gian từ năm 2018 đến nay đã nhiều năm mà đến nay ông G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G mới yêu cầu trả lãi.

Đối với số tiền trả vượt quá là 2.340.000 đồng (25.000.000 đồng – 22.660.000 đồng), ông Q bà C không yêu cầu giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp ông bà sẽ khởi kiện vụ án khác.

Về việc hứa thưởng và việc thanh toán vượt quá 3.089.000 đồng vì nợ 64.000.000 đồng mà ông bà đã thanh toán là 67.230.776 đồng là trong mua bán vật T nông nghiệp khác giữa ông bà với ông G E - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

*Việc tuân theo pháp luật C Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:* Thực hiện đúng quy định C Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật C đương sự:* Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

*Việc giải quyết vụ án:* Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện C ông G E - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G về yêu cầu ông Q, bà C có trách nhiệm trả tiền mua bán tài sản còn nợ là 21.290.000 đồng, trong đó tiền vốn là 2.660.000 đồng, tiền lãi là 18.630.000 đồng.

**NHẬN ĐỊNH C TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Qua yêu cầu khởi kiện C nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phan Ngọc Q, bà Dương Kiêm C có địa chỉ tại xã AP, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết C Tòa án nhân dân huyện TB theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai có mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 C Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu C ông Nguyễn G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G về yêu cầu ông Phan Ngọc Q, bà Dương Kim C trả tiền mua bán tài sản còn nợ 21.290.000 đồng, trong đó tiền gốc 2.660.000 đồng, tiền lãi 18.630.000 đồng; đồng thời rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền nợ gốc 59.855.000 đồng, tiền lãi C số tiền 2.660.000 đồng với lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 21/02/2024 đến khi giải quyết xong.

Căn cứ Biên nhận nợ ngày 24/4/2018 và hai bên đương sự thừa nhận, ngày 24/4/2018 ông Q nợ Cửa hàng vật T nông nghiệp Nguyễn G số tiền 22.660.000 đồng, ngày 16/5/2023 vợ chồng ông Q bà C trả cho ông G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G 20.000.000 đồng, còn nợ 2.660.000 đồng. Vào năm 2019, ông Q bà C trả cho ông G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G số tiền 5.000.000 đồng tuy nhiên chưa được khấu trừ nợ. Ông Q, bà C đề nghị được khấu trừ 5.000.000 đồng vào tiền nợ 2.660.000 đồng vì nợ không có lãi. Xét thấy:

Căn cứ Biên nhận nợ ngày 24/4/2018 do bị đơn xuất trình không thể hiện thỏa thuận trả lãi và thời hạn trả. Mặt khác, ông Q bà C không đồng ý trả lãi vì thời gian đã quá lâu từ năm 2018 đến nay. Do các bên không có thỏa thuận về thời hạn thanh toán tiền và bên mua đã nhận tài sản, đến ngày 24/4/2018 hai bên tổng kết nợ số tiền 22.660.000 đồng nên bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm tổng kết nợ ngày 24/4/2018, sau ngày 24/4/2018 bên mua không thanh toán tiền thì bên bán có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản trong thời hạn là 03 năm kể từ ngày 24/4/2018, nhưng đến ngày 22/5/2023 đã kết thúc thời hạn mà ông G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về hợp đồng mua bán tài sản trong đó có yêu cầu trả lãi là không phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, ông G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G yêu cầu lãi và khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng đã trả vào tiền lãi là không có căn cứ chấp nhận, số tiền 5.000.000 đồng đã trả được trừ vào nợ gốc 2.660.000 đồng.

Về tiền nợ gốc 59.855.000 đồng, tiền lãi C số tiền 2.660.000 đồng với lãi suất

1,66%/tháng tính từ ngày 21/02/2024 đến khi giải quyết xong, do ông G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G xin rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông Q bà C được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo nộp đơn yêu cầu phân tố về khoản tiền trả nợ vật T nông nghiệp còn dư là 2.340.000 đồng (5.000.000 đồng – 2.660.000 đồng) nhưng ông bà không nộp, tại phiên tòa ông bà trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp thì ông bà có quyền khởi kiện vụ án khác.

[3] Xét ý kiến C Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện C nguyên đơn nên ông Nguyễn G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G phải chịu án phí theo quy định C pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 185, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 149, 429, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 C Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện C ông Nguyễn G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G về việc yêu cầu ông Phan Ngọc Q, bà Dương Kim C trả tiền mua bán tài sản còn nợ là 21.290.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.660.000 đồng, tiền lãi là 18.630.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện C ông Nguyễn G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G về việc yêu cầu ông Phan Ngọc Q, bà Dương Kim C trả tiền nợ gốc 59.855.000 đồng, tiền lãi C số tiền 2.660.000 đồng với lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 21/02/2024 đến khi giải quyết xong.

Về án phí:

Buộc ông Nguyễn G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.064.500 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.907.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000324 ngày 09/10/2023 C Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Đồng Tháp; như vậy ông Nguyễn G E – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn G được nhận lại số tiền là 842.500 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND H. TB;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Xuân Nữ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ T Thủy – Nguyễn T Diệu Hiền**

**Trần Xuân Nữ**

